

MỤC LỤC

1. Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
2. Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
3. Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
4. Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Địa chỉ: Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
3. Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 44

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Địa chỉ: Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Hà (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Hoàng Hà (gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1000272301 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp ngày 25 tháng 09 năm 2001. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 cấp ngày 17 tháng 08 năm 2018.

2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo này gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Lưu Huy Hà	Chủ tịch
- Ông Nguyễn Hữu Hoan	Phó Chủ tịch
- Ông Phan Văn Thuần	Thành viên
- Ông Lưu Tuấn Anh	Thành viên
- Ông Đinh Văn Thọ	Thành viên
- Ông Lưu Minh Sơn	Thành viên
- Bà Mai Thị Phương Nhung	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo này gồm các vị như sau

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Lưu Huy Hà	Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Hữu Hoan	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên trong Ban kiểm soát của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo này gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Bà Nguyễn Thu Hương	Trưởng ban
- Ông Dương Đức Cường	Thành viên
- Ông Vũ Doãn Quân	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong suốt năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Lưu Huy Hà - Tổng Giám đốc

3. Trụ sở

Trụ sở chính của Công ty tại số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Địa chỉ: Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám Đốc cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Địa chỉ: Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

8. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Thái Bình, ngày 27 tháng 03 năm 2020

THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lưu Huy Hà

Số: 43/2020/BCKT-PKF.NHN

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hoàng Hà

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty Cổ phần Hoàng Hà được lập ngày 27 tháng 03 năm 2020 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 44 kèm theo.

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Hà chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Hoàng Hà, được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Chu Quang Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1022-2018-242-1

A blue handwritten signature of Trần Hồng Giang.

Trần Hồng Giang
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3893-2017-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Địa chỉ: Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số B 01 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		94.718.278.646	138.755.376.445
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.026.456.109	5.803.497.289
Tiền	111	5.1	6.026.456.109	5.803.497.289
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	380.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	380.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		76.361.634.526	120.643.556.767
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	35.481.288.923	65.557.761.597
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	37.786.046.618	29.403.784.894
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	3.094.298.985	25.682.010.276
Hàng tồn kho	140		10.071.234.267	9.534.581.594
Hàng tồn kho	141	5.7	10.071.234.267	9.534.581.594
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.258.953.744	2.393.740.795
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	2.250.763.018	2.387.561.407
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	8.190.726	6.179.388
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		421.367.160.158	410.908.011.693
Các khoản phải thu dài hạn	210		19.709.703.647	3.450.657.320
Phải thu dài hạn khác	216	5.6	19.709.703.647	3.450.657.320
Tài sản cố định	220		306.433.423.822	335.496.499.262
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	260.591.432.511	276.088.047.881
- Nguyên giá	222		418.816.493.752	410.135.203.662
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(158.225.061.241)	(134.047.155.781)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.9	45.841.991.311	59.408.451.381
- Nguyên giá	225		84.574.540.824	85.307.613.549
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(38.732.549.513)	(25.899.162.168)
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	-	-
- Nguyên giá	228		75.000.000	75.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(75.000.000)	(75.000.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		2.313.016.000	13.644.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.5	2.313.016.000	13.644.000
Đầu tư tài chính dài hạn	250		74.882.283.522	41.818.682.203
Đầu tư vào công ty con	251	5.11	50.000.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.12	25.000.000.000	42.332.570.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(117.716.478)	(513.887.797)
Tài sản dài hạn khác	260		18.028.733.167	30.128.528.908
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.4	18.028.733.167	30.128.528.908
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		516.085.438.804	549.663.388.138

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Địa chỉ: Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Mẫu số B 01 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
NỢ PHẢI TRẢ	300		160.917.356.097	194.430.285.839
Nợ ngắn hạn	310		107.116.142.644	102.713.577.071
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	3.963.929.582	7.143.945.070
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		20.000.000	131.720.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	2.662.890.045	1.953.842.356
Phải trả người lao động	314		2.752.345.000	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	635.352.270	824.874.620
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.16	853.557.830	893.333.333
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	3.507.285.395	3.397.285.395
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	92.425.721.099	87.964.135.329
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		295.061.423	404.440.968
Nợ dài hạn	330		53.801.213.453	91.716.708.768
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.16	3.501.183.845	7.278.213.053
Phải trả dài hạn khác	337	5.17	48.100.000	48.100.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18	50.251.929.608	84.390.395.715
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		355.168.082.707	355.233.102.299
Vốn chủ sở hữu	410	5.19	355.168.082.707	355.233.102.299
Vốn góp của chủ sở hữu	411		348.963.540.000	348.963.540.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		348.963.540.000	348.963.540.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		932.107.220	932.107.220
Quỹ đầu tư phát triển	418		4.944.328.656	1.444.328.656
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		328.106.831	3.893.126.423
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	2.486.431.272
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		328.106.831	1.406.695.151
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		516.085.438.804	549.663.388.138

Thái Bình, ngày 27 tháng 03 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nghiêm Thị Hiếu



Phạm Thị Loan



Lưu Huy Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Địa chỉ: Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số B 02 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	222.557.099.451	262.414.253.391
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		222.557.099.451	262.414.253.391
Giá vốn hàng bán	11	6.2	191.407.286.327	224.460.823.263
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		31.149.813.124	37.953.430.128
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	125.348.641	1.851.874.650
Chi phí tài chính	22	6.4	17.163.147.358	18.861.915.590
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.226.662.528	18.348.027.793
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	13.590.908.539	16.219.598.008
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		521.105.868	4.723.791.180
Thu nhập khác	31	6.6	363.885.130	818.311.308
Chi phí khác	32	6.7	239.901.102	3.369.332.596
Lợi nhuận khác	40		123.984.028	(2.551.021.288)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		645.089.896	2.172.769.892
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	316.983.065	766.074.741
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		328.106.831	1.406.695.151

Thái Bình, ngày 27 tháng 03 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nghiêm Thị Hiếu



Phạm Thị Loan



Lưu Huy Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Địa chỉ: Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B 03 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2019	Năm 2018
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	645.089.896	2.172.769.892
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	37.323.319.167	37.908.178.342
Các khoản dự phòng	03	(396.171.319)	513.887.797
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	86.149	(789.562)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	2.471.650.742	1.328.281.159
Chi phí lãi vay	06	15.226.662.528	18.348.027.793
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08	55.270.637.163	60.270.355.421
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	28.948.612.281	9.619.377.147
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(536.652.673)	15.526.836.277
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(1.321.817.114)	23.877.688.386
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	12.236.594.130	(11.538.294.955)
Tiền lãi vay đã trả	14	(15.416.184.878)	(17.875.669.157)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(475.749.338)	(2.712.082.793)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	20	78.705.439.571	77.168.210.326
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSHD khác	21	(14.310.862.906)	(62.786.906.000)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	1.880.500.000
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(25.000.000.000)	(380.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	25.380.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(50.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	15.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	125.348.641	1.310.325.088
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(48.805.514.265)	(59.976.080.912)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	141.347.010.720	139.807.172.393
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(152.340.306.257)	(136.864.220.525)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(18.683.584.800)	(19.257.964.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(29.676.880.337)	(16.315.012.132)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	223.044.969	877.117.282
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.803.497.289	4.925.590.445
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(86.149)	789.562
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	6.026.456.109	5.803.497.289

Thái Bình, ngày 27 tháng 03 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nghiêm Thị Hiếu



Phạm Thị Loan



Lưu Huy Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Địa chỉ: Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Hoàng Hà (gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1000272301 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp ngày 25 tháng 09 năm 2001. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 cấp ngày 17 tháng 08 năm 2018.

Vốn điều lệ là 348.963.540.000 đồng (ba trăm bốn mươi tám tỷ chín trăm sáu mươi ba triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán HHG. Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu HHG là ngày 28/07/2010.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định và theo hợp đồng;
- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, xe taxi;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe tải liên tỉnh và nội tỉnh;
- Kinh doanh ô tô, xăng dầu;
- Bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ;
- Kinh doanh dịch vụ quảng cáo;
- Kinh doanh dịch vụ chuyển phát; và
- Cho thuê văn phòng và cho thuê nhà.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Trụ sở chính của Công ty tại Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 534 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 665 người).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có các công ty con và công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Ngành nghề kinh doanh chính
Công ty con				
Công ty TNHH MTV Bến xe khách bến xe phía Tây Thái Bình	Thái Bình	100%	100%	Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ
Công ty liên kết				
Công ty cổ phần thương mại Thái Bình Xanh	Thái Bình	45,54%	45,54%	Mua, bán xăng dầu, phụ tùng ô tô

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Địa chỉ: Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính riêng này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Địa chỉ: Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.3 Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

4.5.1 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Địa chỉ: Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

	Số năm
- Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	04 - 10 năm

4.5.2 Tài sản thuê tài chính

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

Phương tiện vận tải	03- 10 năm
---------------------	------------

4.5.3 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

Hệ điều hành taxi và phần mềm chuyển phát nhanh	05 năm
---	--------

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Địa chỉ: Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

4.7 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mỗi quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ hoạt động là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 48/2019/TT-BTC ban hành ngày 08/08/2019.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các khoản chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn, Chi phí đại tu, thay thế, đóng mới vỏ xe, chi phí mua bảo hiểm...

4.9 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Địa chỉ: Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.10 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ hoạt động. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.12 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này:

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận. Thời điểm ghi nhận doanh thu dịch vụ vận tải hành khách là thời điểm xuất vé thu tiền.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.
- (v) Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.13 Giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của thành phẩm, dịch vụ bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Địa chỉ: Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.14 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính.

4.15 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.16 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt là dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng.

Các mặt hàng khác áp dụng theo quy định hiện hành.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4.18 Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá [thực tế] tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Địa chỉ: Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc ngoại tệ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ tài chính.

4.19 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.20 Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Địa chỉ: Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền**

	31/12/2019	01/01/2019
	(VND)	(VND)
Tiền mặt (i)	4.619.529.328	4.798.375.695
Tiền gửi ngân hàng (ii)	1.406.926.781	1.005.121.594
Cộng	6.026.456.109	5.803.497.289

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm:

	Nguyên tệ	(VND)
Ngoại tệ	-	-
Đồng Việt Nam		4.619.529.328
Cộng		4.619.529.328

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm:

	Nguyên tệ	(VND)
Ngoại tệ	1.904,51	44.013.226
Đô la Mỹ (USD)	1.904,51	44.013.226
Đồng Việt Nam		1.362.913.555
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình		1.004.632.453
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình		327.748.591
Ngân hàng khác		30.532.511
Cộng		1.406.926.781

5.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2019	01/01/2019
	(VND)	(VND)
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
<i>Các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh</i>		
Bất động sản	5.616.125.000	35.029.168.899
Ông Bùi Tiến Thảo	939.000.000	1.049.500.000
Khách hàng khác	4.677.125.000	33.979.668.899
Hoạt động kinh doanh vận tải và mua bán xe	29.865.163.923	30.528.592.698
Công ty CP Đầu tư XNK Thăng Long	11.047.974.400	6.682.668.000
Công ty Cổ Phần Hoàng Tân	1.489.588.413	457.165.813
Bà Hà Thị Ngọc Diệp	1.236.180.000	-
Công ty TNHH thương mại Phương Nhung	1.196.429.200	6.327.429.200
Khách hàng khác	14.894.991.910	17.061.329.685
Cộng	35.481.288.923	65.557.761.597
b) Phải thu các bên liên quan		
Trong đó khách hàng các bên liên quan (xem chi tiết tại thuyết minh 8.2)	2.338.197.060	2.160.507.013

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Địa chỉ: Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	(VND)	(VND)
Công ty TNHH Khôi Nguyên Thái Bình (*)	26.768.508.000	26.768.508.000
Công ty TNHH MTV sản xuất và Thương mại Đại Toàn	5.819.286.000	-
Công ty TNHH Thương mại và Xây Dựng Bình Yên	4.390.789.700	-
Các người bán khác	807.462.918	2.635.276.894
Cộng	37.786.046.618	29.403.784.894

(*) Đây là khoản trả trước cho Công ty TNHH Khôi Nguyên Thái Bình theo Hợp đồng số 50/HDXL ngày 01/05/2018 về việc "giải phóng mặt bằng xây dựng bến xe khách phía Tây Thành phố Thái Bình" và Hợp đồng số 08/HĐXD - HH-KN ngày 01/12/2018 về việc "xây dựng đường quy hoạch số 2, tường dậu, rãnh thoát nước thuộc dự án xây dựng bến xe khách phía Tây thành phố Thái Bình". Tính đến ngày 31/12/2019, Công ty TNHH Nguyên Khôi Thái Bình chưa được bàn giao mặt bằng để thực hiện hợp đồng.

5.4 Chi phí trả trước

	31/12/2019	01/01/2019
	(VND)	(VND)
a) Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm, phí đăng kiểm xe	1.509.829.864	1.634.503.121
Chi phí trả trước khác	740.933.154	753.058.286
Cộng	2.250.763.018	2.387.561.407
b) Dài hạn		
Chi phí đại tu, thay thế, đóng mới vỏ xe	10.818.394.658	21.827.873.924
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.194.770.506	334.220.024
Chi phí trả trước khác	5.015.568.003	7.966.434.960
Cộng	18.028.733.167	30.128.528.908

5.5 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2019	01/01/2019
	(VND)	(VND)
Dự án bến xe phía Tây Thái Bình	2.313.016.000	13.644.000
Cộng	2.313.016.000	13.644.000

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Địa chỉ: Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

ÁN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

ăm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 - DN

6 Phải thu khác

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Dự Phòng	Giá trị	Dự Phòng
Tạm ứng	1.121.075.000	-	929.365.000	-
Tiền thuế GTGT phải thu hoạt động thuế tài chính	1.698.326.968	-	3.068.935.867	-
Phải thu về đầu tư	-	-	17.980.000.000	-
Phải thu về cho vay	203.935.657	-	3.642.676.435	-
- Công ty CP Du lịch Thương mại Tiến Bình	203.935.657	-	940.260.000	-
- Công ty CP Đầu tư XNK Thăng Long	-	-	2.702.416.435	-
Phải thu khác	70.961.360	-	61.032.974	-
Cộng	3.094.298.985	-	25.682.010.276	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ dài hạn	1.729.703.647	-	3.450.657.320	-
Công ty CP Du lịch Thương mại Tiến Bình (i)	17.980.000.000	-	-	-
Cộng	19.709.703.647	-	3.450.657.320	-

Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 68.2018/HTKD ngày 28 tháng 12 năm 2018 giữa Công ty Cổ phần Hoàng Hà và Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Tiến Bình về việc góp vốn đầu tư với số tiền là 17.980.000.000 đồng (tương ứng 40% giá trị hợp tác đầu tư), phân chia kết quả kinh doanh căn cứ vào giá trị quyết toán sau khi sửa chữa và nâng cấp các trang thiết bị cho Khách sạn Hoàng Kim và Nhà khách Công an tỉnh Thái Bình, bên Công ty CP Hoàng Hà nhận 20% lợi nhuận thu được từ hoạt động hợp tác đầu tư.

7 Hàng tồn kho

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	9.409.416.085	-	5.854.133.291	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	106.372.438	-
Hàng hoá	661.818.182	-	3.574.075.865	-
Cộng	10.071.234.267	-	9.534.581.594	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Địa chỉ: Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Mẫu số B 09 - DN

ÁN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

ám tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc (VND)	Máy móc thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải (VND)	Thiết bị dụng cụ quản lý (VND)	Tổng (VND)
NGUYÊN GIÁ					410.135.203.662
Số dư tại ngày 01/01/2019	216.577.082.721	27.717.255.344	155.884.015.271	9.956.850.326	4.457.295.454
Mua trong năm	-	35.270.000	4.422.025.454	-	735.241.725
Mua lại TSCĐ Thuê Tài chính	-	-	735.241.725	-	3.912.653.636
Đầu tư XDCB hoàn thành	3.912.653.636	-	-	-	347.230.000
Tăng do nâng cấp, sửa chữa	-	347.230.000	(735.241.725)	-	(735.241.725)
Thanh lý, nhượng bán	-	(35.889.000)	-	-	(35.889.000)
Giảm khác	-	(35.889.000)	-	-	(35.889.000)
Số dư tại ngày 31/12/2019	220.489.736.357	28.063.866.344	160.306.040.725	9.956.850.326	418.816.493.752
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					134.047.155.781
Số dư tại ngày 01/01/2019	29.526.087.600	16.925.682.647	80.626.094.968	6.969.290.566	24.222.788.620
Khấu hao trong năm	7.862.381.215	2.684.383.210	12.926.863.929	749.160.266	267.143.202
Mua lại TSCĐ Thuê Tài chính	-	-	267.143.202	-	(276.137.362)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(276.137.362)	-	(35.889.000)
Giảm khác	-	(35.889.000)	-	-	(35.889.000)
Số dư tại ngày 31/12/2019	37.388.468.815	19.574.176.857	93.543.964.737	7.718.450.832	158.225.061.241
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					276.088.047.881
Tại ngày 01/01/2019	187.050.995.121	10.791.572.697	75.257.920.303	2.987.559.760	260.591.432.511
Tại ngày 31/12/2019	183.101.267.542	8.489.689.487	66.762.075.988	2.238.399.494	260.591.432.511

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 49.319.122.278 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 32.404.651.350 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 128.758.562.177 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 142.031.868.483 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Địa chỉ: Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 - DN

5.5.9 Tặng, giảm tài sản có định thuế tài chính

Khoản mục	Phương tiện vận tại (VND)	Tổng (VND)
NGUYỄN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2019	85.307.613.549	85.307.613.549
Mua lại TSCĐ thuế tài chính	(733.072.725)	(733.072.725)
Số dư tại ngày 31/12/2019	84.574.540.824	84.574.540.824
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2019	25.899.162.168	25.899.162.168
Khấu hao trong năm	13.100.530.547	13.100.530.547
Mua lại TSCĐ thuế tài chính	(267.143.202)	(267.143.202)
Số dư tại ngày 31/12/2019	38.732.549.513	38.732.549.513
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2019	59.408.451.381	59.408.451.381
Tại ngày 31/12/2019	45.841.991.311	45.841.991.311

5.5.10 Tặng, giảm tài sản có định vô hình

Tài sản có định vô hình của Công ty là phần mềm Hệ điều hành Taxi và chuyển phát nhanh có nguyên giá là 75.000.000 đồng đã hết khấu hao.

5.5.11 Đầu tư vào công ty con

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Tỷ lệ biểu quyết		Tỷ lệ biểu quyết
100%	Giá gốc	Giá gốc
	50.000.000.000	Dự phòng
	50.000.000.000	(117.716.478)
		Dự phòng
		-
		-

Công ty TNHH MTV Bến xe khách Phía Tây Thái Bình

Cộng

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Địa chỉ: Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 - DN

5.12 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)			
	Tỷ lệ biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	45,54%	25.000.000.000	-	45,54%	25.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bến xe Trung tâm Cẩm Phả	0%	-	-	34,67%	17.332.570.000	(513.887.797)
Cộng		25.000.000.000	-		42.332.570.000	(513.887.797)

5.13 Phải trả người bán

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty CP Thương mại Thái Bình Xanh	553.921.113	553.921.113	1.453.799.369	1.453.799.369
Chi nhánh Công ty CP ôtô TMT	726.384.380	726.384.380	632.074.572	632.074.572
Công ty TNHH Dầu nhờn Quốc tế Thụy Dương	458.420.600	458.420.600	728.151.600	728.151.600
Phải trả cho các đối tượng khác	2.225.203.489	2.225.203.489	4.329.919.529	4.329.919.529
Cộng	3.963.929.582	3.963.929.582	7.143.945.070	7.143.945.070
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (xem chi tiết tại thuyết minh 8.2)	553.921.113	553.921.113	1.453.799.369	1.453.799.369

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 - DN

5.14 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

Khoản mục	31/12/2019 (VND)	Số phải nộp trong năm (VND)	Số đã thực nộp trong năm (VND)	01/01/2019 (VND)
a) Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	3.130.253	83.210.444	85.161.309	1.179.388
Các loại thuế khác	5.060.473	17.076.569	17.137.042	5.000.000
Cộng	8.190.726	100.287.013	102.298.351	6.179.388
b) Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	2.067.645.650	18.585.942.366	17.793.567.009	1.275.270.293
Thuế thu nhập doanh nghiệp	502.646.190	316.983.065	475.749.338	661.412.463
Thuế thu nhập cá nhân	28.837.170	28.837.170	17.159.600	17.159.600
Tiền thuế đất	-	67.750.677	67.750.677	-
Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	63.761.035	63.761.035	-	-
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	2.662.890.045	19.067.274.313	18.358.226.624	1.953.842.356

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Địa chỉ: Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 VND
Trích trước chi phí lãi vay	635.352.270	824.874.620
Cộng	635.352.270	824.874.620

5.16 Doanh thu chưa thực hiện

- (a) Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn là khoản tiền nhận trước tiền thuê mặt bằng giữa Công ty Cổ phần Hoàng Hà và Công ty Cổ phần Mediamart Việt Nam với số dư tại 31 tháng 12 năm 2019 là 853.557.830 đồng.
- (b) Doanh thu chưa thực hiện dài hạn là khoản chênh lệch giữa giá bán tài sản và giá trị còn lại của tài sản thuê tài chính theo các Hợp đồng đã ký giữa Công ty Cổ phần Hoàng Hà và Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Hàng tháng, Công ty thực hiện phân bổ giá trị theo thời gian thuê tài sản với số chưa phân bổ tại thời ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 3.501.183.845 đồng.

5.17 Phải trả khác

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
a) Phải trả ngắn hạn khác		
Kinh phí công đoàn	126.510.160	146.510.160
Công ty CP Đầu tư Xuất nhập khẩu may Thăng Long	821.890.810	2.821.890.810
(*) Công ty TNHH MTV Bến Xe khách Phía Tây Thái Bình	2.000.000.000	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	558.884.425	428.884.425
Cộng	3.507.285.395	3.397.285.395
Phải trả ngắn hạn khác bên liên quan (xem thuyết minh 8.2)	2.000.000.000	-
b) Phải trả dài hạn khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	48.100.000	48.100.000
Cộng	48.100.000	48.100.000

- (*) Đây là khoản phải trả cho Công ty CP Đầu tư Xuất nhập khẩu may Thăng Long theo quy định tại hợp đồng liên doanh số 01/2016/HĐLD ngày 12/04/2016 về việc tham gia đấu giá quyền sử dụng đất khu quy hoạch dân cư tại khu đất trường THPT Chuyên Thái Bình cũ.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Địa chỉ: Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.18 Vay và nợ thuê tài chính**A) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
Vay ngắn hạn Ngân hàng	55.651.714.792	55.651.714.792	138.463.010.720	132.834.543.257
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (i)	20.735.207.026	20.735.207.026	42.621.037.102	36.884.218.184
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (ii)	27.112.770.440	27.112.770.440	74.993.159.847	75.989.745.815
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Sở Giao dịch 3 (iii)	5.473.920.826	5.473.920.826	16.187.244.905	14.420.141.571
Ngân hàng TMCP Quân Đội - chi nhánh Thái Bình (iv)	2.329.816.500	2.329.816.500	4.661.568.866	5.540.437.687
Vay dài hạn đến hạn trả (Chi tiết tại thuyết minh Vay và nợ dài hạn)	20.088.500.000	20.088.500.000	19.457.696.000	19.457.696.000
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Chi tiết tại thuyết minh Vay và nợ dài hạn)	16.685.506.307	16.685.506.307	18.483.192.000	18.483.192.000
Cộng	92.425.721.099	92.425.721.099	87.964.135.329	87.964.135.329

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Địa chỉ: Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (i) Công văn số 4420a/CV-BIDV.TB ngày 05/08/2019 về việc cấp tín dụng đối với Công ty. Theo đó, hạn mức tín dụng tối đa là 25 tỷ đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng hạn mức. Thời hạn cho vay tùy theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn, cụ thể. Lãi suất theo Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình theo từng thời kỳ. Hình thức đảm bảo: thế chấp tài sản gắn liền với đất của Công ty bao gồm: Nhà xưởng bảo dưỡng xe, Showroom trưng bày giới thiệu sản phẩm, nhà kinh doanh phụ tùng, ô tô và các phương tiện vận tải xe chở khách, xe buýt,.....
- (ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 021/18/0068/TD ngày 25 tháng 12 năm 2018. Hạn mức cho vay là 27,5 tỷ đồng. Thời hạn duy trì hạn mức hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng với lãi suất theo thông báo lãi suất của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Mục đích vay vốn để thanh toán cho các chi phí hợp lý, hợp lệ của dự án đầu tư công trình văn phòng-bến xe khách Công ty Cổ phần Hoàng Hà (không bao gồm lãi vay trong thời gian xây dựng). Tài sản đảm bảo quy định cụ thể tại các hợp đồng thế chấp.
- (iii) Gồm 02 Hợp đồng tín dụng tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Sở giao dịch 3:
- Hợp đồng tín dụng số 02/2018/416446/HĐTĐ ngày 27 tháng 12 năm 2018 với số tiền là 1.995.742.264 đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, lãi suất cho vay cố định trong suốt thời gian của khoản vay là 9,2%/năm. Thời gian vay 165 ngày. Tài sản đảm bảo là Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở Thái Bình của Ông Lưu Minh Tiến.
 - Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - sở giao dịch 3 theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2018/416446/HĐTĐHM ngày 14 tháng 11 năm 2018. Hạn mức tín dụng ngắn hạn với số tiền tối đa là 45 tỷ đồng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động trong phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký Hợp đồng đến hết ngày 20 tháng 12 năm 2018 với lãi suất cho vay theo thông báo của Ngân hàng. Tài sản đảm bảo là Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở Thái Bình của ông Lưu Minh Tiến.
- (iv) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội - chi nhánh Thái Bình theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 11118.18.755.2376838.TD ngày 26 tháng 10 năm 2018. Hạn mức cho vay là 50 tỷ đồng. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng với lãi suất theo thông báo lãi suất của Ngân hàng TMCP Quân Đội - chi nhánh Thái Bình. Mục đích vay vốn bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách, thương mại ô tô và phụ tùng ô tô của khách hàng. Tài sản bảo đảm là tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG634862 do Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình cấp cho Công ty Cổ phần Hoàng Hà.

ÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Địa chỉ: Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Mẫu số B 09 - DN

ÂN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

ăm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

1.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	(VND)		(VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
ác khoản vay dài hạn của Công ty	64.281.362.000	64.281.362.000	2.884.000.000	80.903.125.000
gân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (i)	109.000.000	109.000.000	-	564.000.000
gân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (ii)	30.284.933.000	30.284.933.000	-	37.484.933.000
gân hàng TMCP Quân đội (iii)	28.531.496.000	28.531.496.000	-	39.124.592.000
gân hàng TMCP An Bình (iv)	2.520.000.000	2.520.000.000	-	3.729.600.000
gân hàng TMCP Quốc Dân - CNTB(NCB) (v)	2.835.933.000	2.835.933.000	2.884.000.000	-
ác khoản nợ thuê tài chính dài hạn	22.744.573.915	22.744.573.915	-	41.428.158.715
ông ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng MCP Công thương Việt Nam (vi)	11.806.208.000	11.806.208.000	-	20.663.648.000
ông ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Châu - Chi nhánh Hà Nội (ACB leasing) (vii)	10.938.365.915	10.938.365.915	-	20.764.510.715
ur: Các khoản vay dài hạn đến hạn trả	20.088.500.000	20.088.500.000	19.457.696.000	19.457.696.000
gân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	7.600.000.000	7.600.000.000	7.200.000.000	7.200.000.000
gân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	109.000.000	109.000.000	455.000.000	455.000.000
gân hàng TMCP Quân đội	10.593.096.000	10.593.096.000	10.593.096.000	10.593.096.000
gân hàng TMCP An Bình	1.209.600.000	1.209.600.000	1.209.600.000	1.209.600.000
gân hàng TMCP Quốc Dân - CNTB(NCB) (v)	576.804.000	576.804.000	-	-
ur: Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	16.685.506.307	16.685.506.307	18.483.192.000	18.483.192.000
ông ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng MCP Công thương Việt Nam	8.144.440.000	8.144.440.000	8.857.440.000	8.857.440.000
ông ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Châu - Chi nhánh Hà Nội (ACB leasing)	8.541.066.307	8.541.066.307	9.625.752.000	9.625.752.000
ộng	50.251.929.608	50.251.929.608	84.390.395.715	84.390.395.715

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Địa chỉ: Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (i) Hợp đồng tín dụng số 01/2015/416446/HDTD ngày 13 tháng 02 năm 2015, giữa Công ty CP Hoàng Hà và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Bình. Số tiền vay là 1.974.000.000 đồng để đầu tư mua 02 xe ô tô nhãn hiệu Samco 34 chỗ ngồi mới 100% phục vụ vận tải hành khách. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên với lãi suất theo quy định của ngân hàng trong từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp số 01/2015/416446/HDBD ngày 13 tháng 02 năm 2015.
- (ii) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 021/050/09/0000288/VCB-TB tháng 06 năm 2009 giữa Công ty CP Hoàng Hà và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình. Hạn mức tín dụng 50.000.000.000 đồng để thanh toán cho các chi phí hợp lý, hợp lệ của dự án đầu tư công trình văn phòng - Bến xe khách Công ty CP Hoàng Hà (không bao gồm lãi vay). Thời hạn vay vốn là 144 tháng, trong đó thời gian ân hạn là 24 tháng kể từ ngày bên vay rút vốn lần đầu tiên. Lãi suất vay vốn được quy định theo thông báo của ngân hàng tại từng thời điểm rút vốn. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của Dự án đầu tư công trình Văn phòng - Bến xe khách Công ty CP Hoàng Hà đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thái Bình.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội theo các hợp đồng tín dụng sau:
- Hợp đồng cấp tín dụng số 14472.16.755.2376838.TD ngày 18 tháng 05 năm 2016 giữa Công ty Cổ phần Hoàng Hà và Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Thái Bình. Khoản vay có hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 đồng để đầu tư mua sắm ô tô mới nguyên chiếc phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách. Thời hạn vay vốn tối đa là 84 tháng, lãi suất vay vốn được quy định tại từng khế ước nhận nợ tại thời điểm. Các khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
 - Hợp đồng tín dụng số 89826.17.755.2376838.TD ngày 30 tháng 03 năm 2017 với Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thái Bình. Hạn mức tín dụng là 17.600.000.000 đồng để thanh toán tiền mua 20 xe ô tô chở khách 29 chỗ theo hợp đồng mua bán xe số CV15VSA1215106/AH ngày 17 tháng 12 năm 2015 và phụ lục 05 ngày 13 tháng 02 năm 2017 ký giữa Công ty CP Hoàng Hà và Công ty TNHH Ô tô Ngôi sao Việt Nam (Giai đoạn 2 - năm 2017). Thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên trên khế ước nhận nợ, lãi suất được quy định tại từng thời điểm nhận nợ; Tài sản đảm bảo là 20 xe ô tô 29 chỗ Fuso Rosa thuộc sở hữu của Công ty CP Hoàng Hà.
- (iv) Hợp đồng tín dụng số 119/17/TD-TT/XXXI ký ngày 13 tháng 01 năm 2017 với Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Thái Bình. Khoản vay có hạn mức là 15.120.000.000 đồng để đầu tư 50 xe ô tô Hyundai Grand i10 Sendan bản 1.2 MT Base nhập khẩu nguyên chiếc mới 100% để hoạt động kinh doanh taxi với thương hiệu Taxi Hoàng Hà. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày bên vay rút tiền lần đầu tiên. Lãi suất vay vốn được quy định tại thời điểm giải ngân trên từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành từ vốn vay. Nội dung chi tiết được thể hiện trong Hợp đồng thế chấp tài sản số 121/17/TC-TT/XXXI ngày 13/01/2017. Giấy nhận nợ số 119/17/TD-TT/XXXI.01 ngày 16 tháng 01 năm 2017, số tiền vay 6.048.000.000 VND, lãi suất cho vay 8,1%/năm trong 12 tháng, sau 12 tháng lãi suất thay đổi theo quy định của ABBANK hoặc phê duyệt cụ thể, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 25 tháng 02 năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Địa chỉ: Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (v) Vay dài hạn ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Thái Bình theo hợp đồng cho vay số 277/2019/HĐCV-9222 ngày 12 tháng 12 năm 2019. Số tiền cho vay là 2.884.000.000 đồng. Thời hạn vay 60 tháng. Thời hạn giải ngân tối đa 60 ngày kể từ ngày 12/12/2019. Mục đích vay để mua xe ô tô Lexus theo Hợp đồng mua bán xe ô tô trả góp số 190834/HĐMB ngày 09/12/2019 giữa Công ty Cổ phần Lexus Thăng Long và Công ty. Lãi suất được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là xe ô tô, phương tiện vận tải hình thành trong tương lai thuộc quyền sở hữu của Công ty bao gồm các thông tin: nhãn hiệu lexus, số loại RX350, biển số 17A - 163.78, số khung JTJBZMCA402046782. Tài sản đảm bảo được định giá là 4.100.000.000 đồng.
- (vi) Khoản nợ thuê tài chính của Công ty Cổ phần Hoàng Hà và Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo các hợp đồng:
- Hợp đồng cho Thuê tài chính (hợp đồng không hủy ngang) số 01.046/2015/TSC-CTTC ngày 06 tháng 8 năm 2015 giữa Công ty Cổ phần Hoàng Hà và Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Giá trị cho thuê tạm tính là: 3.870.700.000 đồng (giá bao gồm VAT). Thời hạn cho thuê trong 72 tháng, lãi suất 8,5%/năm trong 06 tháng đầu kể từ ngày ký hợp đồng, sau 06 tháng lãi suất được tính theo quy định của Ngân hàng Công thương Việt Nam, tài sản cho thuê là 05 xe ô tô Toyota Innova 2.0E mới 100%, lắp ráp tại Việt Nam, sản xuất năm 2015. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 688.688.000 đồng.
 - Hợp đồng cho Thuê tài chính (hợp đồng không hủy ngang) số 01.105/2017/TSC-CTTC ngày 04 tháng 12 năm 2017 giữa Công ty Cổ phần Hoàng Hà và Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Giá trị cho thuê tạm tính là: 5.643.900.000 đồng (giá bao gồm VAT). Thời hạn cho thuê trong 72 tháng, lãi suất 8,5%/năm trong 06 tháng đầu kể từ ngày ký hợp đồng, sau 06 tháng lãi suất được tính theo quy định của Ngân hàng Công thương Việt Nam, tài sản cho thuê là 05 xe ô tô Fuso đỗ. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 3.005.200.000 đồng.
 - Hợp đồng cho Thuê tài chính (hợp đồng không hủy ngang) số 01.089/2017/TSC-CTTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 giữa Công ty Cổ phần Hoàng Hà và Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Giá trị cho thuê tạm tính là: 6.054.000.000 đồng (giá bao gồm VAT). Thời hạn cho thuê trong 36 tháng, lãi suất 9,5%/năm trong 03 tháng đầu kể từ ngày ký hợp đồng, sau 03 tháng lãi suất được tính theo quy định của Ngân hàng Công thương Việt Nam, tài sản cho thuê là 08 xe ô tô khách Samco 46 chỗ - Động cơ Hino. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 1.426.600.000 đồng.
 - Hợp đồng cho Thuê tài chính (hợp đồng không hủy ngang) số 01.088/2017/TSC-CTTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 giữa Công ty Cổ phần Hoàng Hà và Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Giá trị cho thuê tạm tính là: 8.966.000.000 đồng (giá bao gồm VAT). Thời hạn cho thuê trong 36 tháng, lãi suất 9,5%/năm trong 03 tháng đầu kể từ ngày ký hợp đồng, sau 03 tháng lãi suất được tính theo quy định của Ngân hàng Công thương Việt Nam, tài sản cho thuê là 12 xe ô tô khách Samco 46 chỗ - Động cơ Hino. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 2.114.400.000 đồng.
 - Hợp đồng cho Thuê tài chính (hợp đồng không hủy ngang) 01.026/2018/TSC-CTTC ngày 23 tháng 04 năm 2018 giữa công ty Cổ phần Hoàng Hà và Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Giá trị cho thuê tạm tính là: 11.820.000.000 đồng (giá bao gồm VAT). Thời hạn cho thuê trong 36 tháng, lãi suất 9,5%/năm trong 03 tháng đầu kể từ ngày ký hợp đồng, sau 03 tháng lãi suất được tính theo quy định của Ngân hàng Công thương Việt Nam, tài sản cho thuê là 10 xe ô tô khách Samco. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 4.571.320.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Địa chỉ: Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (vii) Khoản Nợ thuê tài chính của Công ty Cổ phần Hoàng Hà và Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu (ACB leasing) theo các hợp đồng:
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 11.09.13/HĐCTTC-HH2 ngày 13 tháng 03 năm 2014, thuê xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, thời hạn cho thuê 84 tháng, lãi suất được tính theo quy định của ACB leasing tại từng thời điểm do ACB leasing thông báo. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 2.393.762.608 đồng.
 - Hợp đồng cho thuê tài chính số 02.09.15/HĐCTTC-HH1 ngày 17 tháng 09 năm 2015, thuê xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thời hạn cho thuê 60 tháng, lãi suất được tính theo quy định của ACB leasing tại từng thời điểm do ACB leasing thông báo. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 616.774.957 đồng.
 - Hợp đồng cho thuê tài chính số 02.09.15/HĐCTTC-HH2 ngày 29 tháng 09 năm 2015, thuê xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thời hạn cho thuê 60 tháng, lãi suất được tính theo quy định của ACB leasing tại từng thời điểm do ACB leasing thông báo. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là : 853.677.150 đồng.
 - Hợp đồng cho thuê tài chính số 01.02.16/HĐCTTC-HH ngày 18 tháng 02 năm 2016, thuê xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, thời hạn cho thuê 60 tháng, lãi suất được tính theo quy định của ACB leasing tại từng thời điểm do ACB leasing thông báo. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 1.163.057.600 đồng.
 - Hợp đồng cho thuê tài chính số 02.02.16/HĐCTTC-HH ngày 27 tháng 02 năm 2016, thuê xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, thời hạn cho thuê 60 tháng, lãi suất được tính theo quy định của ACB leasing tại từng thời điểm do ACB leasing thông báo. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 2.353.819.800 đồng.
 - Hợp đồng cho thuê tài chính số 04.01.16/HĐCTTC-HH ngày 31 tháng 01 năm 2016, thuê xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, thời hạn cho thuê 60 tháng, lãi suất được tính theo quy định của ACB leasing tại từng thời điểm do ACB leasing thông báo. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 516.919.600 đồng.
 - Hợp đồng cho thuê tài chính số 05.01.16/HĐCTTC-HH ngày 31 tháng 01 năm 2016, thuê xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, thời hạn cho thuê 60 tháng, lãi suất được tính theo quy định của ACB leasing tại từng thời điểm do ACB leasing thông báo. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 624.754.200 đồng.
 - Hợp đồng cho thuê tài chính số 01.12.16/HĐCTTC-HH ngày 07 tháng 12 năm 2016, thuê xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, thời hạn cho thuê 60 tháng, lãi suất được tính theo quy định của ACB leasing tại từng thời điểm do ACB leasing thông báo. Số nợ thuê tài chính của hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 2.415.600.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Địa chỉ: Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Các khoản nợ dài hạn do thuê tài chính được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2019	01/01/2019
	(VND)	(VND)
Các khoản phải trả do thuê tài chính:		
Trong vòng một năm	16.685.506.307	18.483.192.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	6.059.067.608	22.944.966.715
Giá trị hiện tại của các khoản thuê tài chính phải trả	22.744.573.915	41.428.158.715
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	16.685.506.307	18.483.192.000
Số phải trả sau 12 tháng	6.059.067.608	22.944.966.715

Lãi thuê tài chính được quy định theo từng khế ước nhận nợ và thay đổi theo từng thời kỳ.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2019	01/01/2019
	(VND)	(VND)
Các khoản phải trả do vay dài hạn:		
Trong vòng một năm	20.088.500.000	19.457.696.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	44.192.862.000	61.445.429.000
Giá trị hiện tại của các khoản thuê tài chính phải trả	64.281.362.000	80.903.125.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	20.088.500.000	19.457.696.000
Số phải trả sau 12 tháng	44.192.862.000	61.445.429.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 - DN

5.19 Vốn chủ sở hữu**i) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục vốn chủ sở hữu					Tổng cộng (VND)
	Vốn góp của chủ sở hữu (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Quỹ đầu tư phát triển (VND)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (VND)		
Số dư tại ngày 01/01/2018	288.401.250.000	932.107.220	300.000.000	64.574.492.813		354.207.850.033
Vốn góp tăng trong năm	60.562.290.000	-	-	(60.562.290.000)		-
Lãi trong năm trước	-	-	-	1.406.695.151		1.406.695.151
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.144.328.656	(1.144.328.656)		-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(381.442.885)		(381.442.885)
Số dư tại ngày 01/01/2019	348.963.540.000	932.107.220	1.444.328.656	3.893.126.423		355.233.102.299
Lãi trong năm nay	-	-	-	328.106.831		328.106.831
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	3.500.000.000	(3.500.000.000)		-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(393.126.423)		(393.126.423)
Số dư tại ngày 31/12/2019	348.963.540.000	932.107.220	4.944.328.656	328.106.831		355.168.082.707

Công ty trích lập các quỹ theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 115.19/INQ-HH ngày 27 tháng 4 năm 2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Địa chỉ: Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

b) Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	34.896.354	34.896.354
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	34.896.354	34.896.354
- Cổ phiếu phổ thông	34.896.354	34.896.354
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	34.896.354	34.896.354
- Cổ phiếu phổ thông	34.896.354	34.896.354
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND.		

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019	Năm 2018
	(VND)	(VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	222.557.099.451	262.414.253.391
<u>Trong đó:</u>		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	173.290.249.343	179.681.951.922
- Doanh thu bán hàng hóa	43.466.532.648	68.922.849.224
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	5.800.317.460	13.809.452.245
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	222.557.099.451	262.414.253.391

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2019	Năm 2018
	(VND)	(VND)
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	145.664.842.039	149.851.178.288
Giá vốn hàng hóa đã bán	40.696.812.126	64.777.505.014
Giá vốn bất động sản	5.045.632.162	9.832.139.961
Cộng	191.407.286.327	224.460.823.263

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Địa chỉ: Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019	Năm 2018
	(VND)	(VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	125.348.641	1.851.085.088
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	789.562
Cộng	125.348.641	1.851.874.650

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2019	Năm 2018
	(VND)	(VND)
Chi phí lãi vay	15.226.662.528	18.348.027.793
Lỗ do thanh lý khoản đầu tư tài chính	2.332.570.000	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(513.887.797)	-
Dự phòng tổn thất đầu tư	117.716.478	513.887.797
Lỗ chênh lệch tỷ giá	86.149	-
Cộng	17.163.147.358	18.861.915.590

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019	Năm 2018
	(VND)	(VND)
Chi phí nhân công	6.177.749.796	9.896.164.168
Chi phí công cụ dụng cụ	399.709.002	258.284.054
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.497.426.135	1.676.963.893
Thuế, phí và lệ phí	152.444.846	215.651.239
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.015.370.620	2.736.938.773
Chi phí bằng tiền khác	1.348.208.140	1.435.595.881
Cộng	13.590.908.539	16.219.598.008

6.6 Thu nhập khác

	Năm 2019	Năm 2018
	(VND)	(VND)
Thu tiền bồi thường bảo hiểm xe	260.037.280	571.521.000
Các khoản thu nhập khác	103.847.850	246.790.308
Cộng	363.885.130	818.311.308

6.7 Chi phí khác

	Năm 2019	Năm 2018
	(VND)	(VND)
Các khoản bị phạt	191.961.576	179.965.638
Các khoản chi phí khác	47.939.526	3.189.366.958
Cộng	239.901.102	3.369.332.596

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Địa chỉ: Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Tổng thu nhập trước thuế thu nhập doanh nghiệp	645.089.896	2.172.769.892
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	939.825.432	837.219.815
<i>Cộng: Chi phí không được trừ</i>	<i>939.825.432</i>	<i>837.219.815</i>
+ <i>Chi phí không có hóa đơn chứng từ hợp lệ</i>	<i>747.863.856</i>	<i>657.254.177</i>
+ <i>Các khoản phạt</i>	<i>191.961.576</i>	<i>179.965.638</i>
Tổng thu nhập tính thuế	1.584.915.328	3.009.989.707
Thu nhập tính thuế		
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Điều chỉnh khác		
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành	-	164.076.800
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	316.983.065	766.074.741

6.9 Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính 2019 vì theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán số 30 – Lãi cơ bản trên cổ phiếu, trường hợp Công ty phải lập cả báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên báo cáo tài chính hợp nhất.

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	50.984.219.055	56.477.334.394
Chi phí nhân công	41.713.950.869	40.462.890.425
Chi phí khấu hao tài sản cố định	37.323.319.167	37.692.759.479
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.531.149.662	31.519.763.407
Chi phí khác bằng tiền	7.012.306.728	8.383.202.748
Cộng	164.564.945.481	174.535.950.453

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**7.1 Số tiền đi vay thực thu trong năm**

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường: 141.347.010.720 đồng.

7.2 Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường: 152.340.306.257 đồng.
- Tiền trả nợ gốc thuê tài chính: 18.683.584.800 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Địa chỉ: Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại số 368 đường Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, đồng thời toàn bộ doanh thu và tài sản của Công ty cũng đều phát sinh tại tỉnh Thái Bình. Do đó, Công ty không phải lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 03 (ba) bộ phận hoạt động: bộ phận kinh doanh thương mại; bộ phận cung cấp dịch vụ và bộ phận kinh doanh bất động sản.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí phi tiền tệ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

44
ĐN
VHM
PI
T
U

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Địa chỉ: Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Hoạt động thương mại	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Hoạt động KD bất động sản	Tổng cộng
	(VND)	(VND)	(VND)	(VND)
Năm 2019				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	43.466.532.648	173.290.249.343	5.800.317.460	222.557.099.451
Tổng Doanh thu thuần	43.466.532.648	173.290.249.343	5.800.317.460	222.557.099.451
Chi phí phân bổ	46.678.754.321	169.513.357.006	5.843.882.256	222.035.993.583
Kết quả kinh doanh				
Kết quả kinh doanh bộ phận	(3.212.221.673)	3.776.892.337	(43.564.796)	521.105.868
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(3.212.221.673)	3.776.892.337	(43.564.796)	521.105.868
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	-	9.452.420.815	-	9.452.420.815
Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	10.407.955.547	41.493.928.823	1.388.871.911	53.290.756.281
Số dư tại ngày 31/12/2019				
Tài sản bộ phận	661.818.182	515.423.620.622	-	516.085.438.804
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-
Tổng tài sản	661.818.182	515.423.620.622	-	516.085.438.804
Nợ phải trả bộ phận	726.384.380	160.190.971.717	-	160.917.356.097
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	726.384.380	160.190.971.717	-	160.917.356.097

8.2 Thông tin về các bên liên quan**a) Các bên liên quan****Bên liên quan**

Công ty TNHH MTV Bến xe Khách phía Tây Thái Bình
 Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh
 Công ty Cổ Phần Hoàng Tân

Mối quan hệ

Công ty Con
 Công ty liên kết
 Công ty có liên quan

b) Các giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Doanh thu bán hàng	2.277.395.816	3.951.828.177
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	504.037.001	2.525.780.181
Công ty Cổ Phần Hoàng Tân	1.475.172.360	1.426.047.996
Công ty TNHH MTV Bến xe Khách phía Tây Thái Bình	298.186.455	-
Mua hàng	57.640.193.402	67.019.197.461
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	57.017.344.652	66.476.993.161

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Địa chỉ: Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Công ty Cổ Phần Hoàng Tân	622.848.750	542.204.300
Góp vốn trong năm	50.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Bến xe Khách phía Tây Thái Bình	50.000.000.000	-

c) Số dư với các bên liên quan

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Các khoản phải thu khách hàng	2.338.197.060	2.160.507.013
Công ty Cổ Phần Hoàng Tân	1.489.588.413	457.165.813
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	542.967.647	1.703.341.200
Công ty TNHH MTV Bến Xe Khách Phía Tây Thái Bình	305.641.000	-
Phải trả người bán ngắn hạn	553.921.113	1.453.799.369
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Bình Xanh	553.921.113	1.453.799.369

d) Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Khoản mục	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Lương và phụ cấp của Ban Tổng Giám đốc	436.800.000	383.432.000
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	264.000.000	168.000.000
Cộng	700.800.000	551.432.000

8.3 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Địa chỉ: Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty không có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư, theo đó Ban Tổng Giám đốc Công ty theo dõi biến động giá thị trường và thực hiện trích lập dự phòng phù hợp cho phần giảm giá.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Địa chỉ: Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm (VND)	Trên 1 năm (VND)	Tổng cộng (VND)
Tại 31/12/2019			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.026.456.109	-	6.026.456.109
Phải thu khách hàng	35.481.288.923	-	35.481.288.923
Phải thu khác	1.973.223.985	19.709.703.647	21.682.927.632
Tổng cộng	43.480.969.017	19.709.703.647	63.190.672.664
Tại 31/12/2019			
Phải trả người bán	3.963.929.582	-	3.963.929.582
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	6.805.527.710	48.100.000	6.853.627.710
Các khoản vay và nợ	92.425.721.099	50.251.929.608	142.677.650.707
Tổng cộng	103.195.178.391	50.300.029.608	153.495.207.999
Chênh lệch thanh khoản thuần	(59.714.209.374)	(30.590.325.961)	(90.304.535.335)
	Dưới 1 năm (VND)	Trên 1 năm (VND)	Tổng cộng (VND)
Tại 01/01/2019			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.803.497.289	-	5.803.497.289
Phải thu khách hàng	65.557.761.597	-	65.557.761.597
Phải thu khác	24.752.645.276	3.450.657.320	28.203.302.596
Tổng cộng	96.113.904.162	3.450.657.320	99.564.561.482
Tại 01/01/2019			
Phải trả người bán	7.143.945.070	-	7.143.945.070
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	6.176.002.371	48.100.000	6.224.102.371
Các khoản vay và nợ	87.964.135.329	84.390.395.715	172.354.531.044
Cộng	101.284.082.770	84.438.495.715	185.722.578.485
Chênh lệch thanh khoản thuần	(5.170.178.608)	(80.987.838.395)	(86.158.017.003)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Địa chỉ: Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

lãm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 - DN

iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	380.000.000	-	380.000.000
Phải thu khách hàng	35.481.288.923	65.557.761.597	35.481.288.923	65.557.761.597
Phải thu khác	21.682.927.632	28.203.302.596	21.682.927.632	28.203.302.596
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	6.026.456.109	5.803.497.289	6.026.456.109	5.803.497.289
- <i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	6.026.456.109	5.803.497.289	6.026.456.109	5.803.497.289
Cộng	63.190.672.664	99.944.561.482	63.190.672.664	99.944.561.482
Công nợ tài chính				
Các khoản vay và nợ	142.677.650.707	172.354.531.044	142.677.650.707	172.354.531.044
Phải trả người bán	3.963.929.582	7.143.945.070	3.963.929.582	7.143.945.070
Phải trả phải nộp khác và chi phí phải trả	6.853.627.710	6.224.102.371	6.853.627.710	6.224.102.371
Cộng	153.495.207.999	185.722.578.485	153.495.207.999	185.722.578.485

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 01 tháng 01 năm 2019. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Địa chỉ: Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

8.4 Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập Báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc cho rằng không có sự kiện nào khác có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

8.5 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán. Theo hướng dẫn tại khoản 2 điều 69 của Thông tư 202/2014/TT – BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Công ty đã trình bày lại báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 theo phương pháp gián tiếp để phù hợp với số liệu so sánh của năm nay.

Thái Bình, ngày 27 tháng 03 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nghiêm Thị Hiếu

Phạm Thị Loan



Lưu Huy Hà

